



PHỤ LỤC

Điều kiện, tiêu chuẩn các chức danh nghề nghiệp viên chức
(Kèm theo Thông báo số 595 /TB-UBND ngày 09/9/2024
của Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm)

I. CHỨC DANH GIÁO VIÊN MẦM NON HẠNG III (MÃ SỐ V.07.02.26)

Tiêu chuẩn giáo viên mầm non hạng III được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Quyết định số 23269/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Mầm non công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm;

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục mầm non và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao;

b) Có kiến thức, kỹ năng trong việc tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; có khả năng sư phạm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực hiện chương trình giáo dục mầm non;

c) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ em và cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em;

d) Biết quản lý, sử dụng, bảo quản và giữ gìn có hiệu quả tài sản cơ sở vật chất, thiết bị của nhóm/Lớp, trường;

đ) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

II. CHỨC DANH GIÁO VIÊN TIỂU HỌC HẠNG III (MÃ SỐ V.07.03.29)

Tiêu chuẩn giáo viên tiểu học hạng III được quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT,

04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Quyết định số 23270/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Tiểu học công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm;

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên cơ bản: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học.

b) Giáo viên Âm nhạc: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Âm nhạc. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

c) Giáo viên Giáo dục thể chất: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

d) Giáo viên Tin học và công nghệ: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tin học và Công nghệ. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

e) Giáo viên Ngoại ngữ: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tiếng Anh. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học và triển khai thực hiện vào các nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện giảng dạy, giáo dục bảo đảm chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Vận dụng được kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh;

d) Có khả năng áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh;

e) Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh;

f) Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để phát triển năng lực chuyên môn bản thân; biết áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục; hướng dẫn học sinh tự làm được đồ dùng dạy học;

g) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

III. CHỨC DANH GIÁO VIÊN THCS HẠNG III (MÃ SỐ V.07.04.32)

Tiêu chuẩn giáo viên THCS hạng III được quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; Quyết định số 23271/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường THCS công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm;

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên Toán học: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Toán. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) Giáo viên Khoa học tự nhiên: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Khoa học tự nhiên (hoặc các môn phù hợp với vị trí việc làm). Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

c) Giáo viên Ngữ văn: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Ngữ văn. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

d) Giáo viên Ngoại ngữ: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tiếng Anh. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

e) Giáo viên Lịch sử và Địa lý: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Lịch sử và Địa lý. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

f) Giáo viên Giáo dục Thể chất: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

g) Giáo viên Công nghệ: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Công nghệ. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

h) Giáo viên Giáo dục công dân: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Giáo dục công dân. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

i) Giáo viên Nghệ thuật: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên môn nghệ thuật hoặc Âm nhạc, Mỹ thuật. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THCS theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

k) Giáo viên Tin học: Có bằng Đại học trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên Tin học. Trường hợp chưa có bằng Đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng Đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao;

b) Nắm vững kiến thức của môn học được phân công giảng dạy; có khả năng xây dựng được kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

c) Có khả năng áp dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh;

d) Sử dụng được các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

e) Có khả năng tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh; lồng ghép các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp vào trong hoạt động dạy học và giáo dục;

f) Xây dựng được mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

g) Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân;

h) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng sử dụng ngoại ngữ hoặc sử dụng tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

IV. CHỨC DANH THƯ VIỆN VIÊN HẠNG IV (MÃ SỐ V.10.02.07)

Tiêu chuẩn Thư viện viên hạng IV được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện; Các Quyết định của Sở Nội vụ: số 23269/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Mầm non công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23270/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Tiểu học công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23271/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường THCS công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm;

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được những quy định của pháp luật về công tác thư viện;

b) Có kiến thức cơ bản về nghiệp vụ thư viện;

c) Có năng lực hướng dẫn người sử dụng thư viện tiếp cận và khai thác thông tin, thư viện;

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ được giao;

e) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

V. CHỨC DANH VĂN THƯ VIÊN (MÃ SỐ 02.007)

Tiêu chuẩn Văn thư viên được quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Các Quyết định của Sở Nội vụ: số 23269/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Mầm non công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23270/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Tiểu học công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23271/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường THCS công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm;

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về công tác văn thư, quy trình nghiệp vụ và các nhiệm vụ cụ thể của văn thư cơ quan;

b) Có kỹ năng kiểm soát việc bảo đảm tuân thủ đúng thể thức, quy trình, thủ tục, thẩm quyền ban hành văn bản hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

VI. CHỨC DANH NHÂN VIÊN THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM (MÃ SỐ V.07.07.20)

Tiêu chuẩn nhân viên thiết bị thí nghiệm được quy định tại Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập;

Các Quyết định của Sở Nội vụ: số 23269/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Mầm non công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23270/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Tiểu học công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23271/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường THCS công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm;

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học);

b) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức thiết bị, thí nghiệm theo quy định.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu và biết vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành đối với cấp học vào trong lĩnh vực công tác;

b) Thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Có khả năng quản lý, sử dụng, bảo quản thiết bị; phòng chống cháy nổ và chữa cháy trong trường hợp xảy ra cháy nổ trong quá trình thực hành, thí nghiệm;

d) Có khả năng sửa chữa, tự làm và phối hợp với giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh làm đồ dùng dạy học, thiết bị đơn giản;

e) Có khả năng vận dụng linh hoạt, phối hợp và hỗ trợ giáo viên sử dụng có hiệu quả thiết bị, thí nghiệm vào thực tiễn giảng dạy cho học sinh;

e) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp.

VII. CHỨC DANH KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP (MÃ SỐ 06.032)

Tiêu chuẩn kế toán viên trung cấp được quy định tại Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ; Các Quyết định của Sở Nội vụ: số 23269/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Mầm non công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23270/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường Tiểu học công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm; số 23271/QĐ-SNV ngày 28/3/2024 phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các trường THCS công lập thuộc UBND quận Nam Từ Liêm;

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được các chế độ, quy định kế toán ngành, lĩnh vực; các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán áp dụng trong đơn vị, trong ngành;

b) Hiểu rõ và tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê, các chuẩn mực kế toán và thông tin kinh tế có liên quan;

c) Nắm được những nguyên tắc cơ bản về quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ trong đơn vị;

d) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt các kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng máy tính, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử; có khả năng tham gia triển khai theo đúng chỉ đạo của cấp trên;

e) Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN

Tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND quận Nam Từ Liêm năm 2024

(Kèm theo Thông báo số 595 /TB-UBND ngày 09/9/2024
của Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm)

STT	Thời gian	Nội dung công việc	Thực hiện
1.	06/9/2024	<ul style="list-style-type: none">- Thông báo công khai chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên, thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển;- Thành lập Ban giám sát, Hội đồng tuyển dụng, Tổ thư ký, Tổ tiếp nhận, Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển viên chức.	Chủ tịch UBND Quận; Phòng Nội vụ
2.	11/9/2024 đến 10/10/2024	<ul style="list-style-type: none">- Tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển giáo viên- Công bố tài liệu, nội dung ôn tập.- Thuê đơn vị tổ chức thi vòng 1, đơn vị làm đề, đáp án thi vòng 2	Tổ tiếp nhận phiếu; Hội đồng tuyển dụng
3.	11/10/2024 đến 17/10/2024	<ul style="list-style-type: none">- Thẩm định phiếu đăng ký dự tuyển	Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển
4.	18/10/2024 đến 25/10/2024	<ul style="list-style-type: none">- Thông báo công khai danh sách người đủ điều kiện dự tuyển, người không đủ điều kiện dự tuyển.- Thu lệ phí dự tuyển	Hội đồng tuyển dụng
5.	25/10/2024 đến 01/11/2024	<ul style="list-style-type: none">- Tổng hợp, sửa chữa sai sót (nếu có).- Triệu tập thí sinh dự thi vòng 1, số lượng phòng thi, danh sách thí sinh, số báo danh, sơ đồ điểm thi.	Hội đồng tuyển dụng
6.	04/11/2024 đến 10/11/2024	<ul style="list-style-type: none">- Thành lập Ban coi thi; Tổ phục vụ;- Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực để tổ chức khai mạc, thi vòng 1	Hội đồng tuyển dụng và các đơn vị liên quan
7.	11/11/2024	<ul style="list-style-type: none">- Tập trung thí sinh, khai mạc kỳ thi, phổ biến quy chế thi và chi tiết lịch thi;- Kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất tại địa điểm tổ chức thi.	Hội đồng tuyển dụng, các đơn vị liên quan và thí sinh đủ điều kiện thi vòng 1

STT	Thời gian	Nội dung công việc	Thực hiện
8.	12/11/2024	Tổ chức thi vòng 1 (hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính) <i>Địa điểm thi được thông báo trong Thông báo triệu tập thí sinh</i> <i>(Công bố kết quả ngay sau khi thi)</i>	Hội đồng tuyển dụng, các đơn vị liên quan và thí sinh đủ điều kiện dự thi
9.	Từ 12/11/2024 đến 15/11/2024	Lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2	Hội đồng tuyển dụng
10.	Từ 15/11/2024 đến 22/11/2024	- Thành lập Ban kiểm tra sát hạch; Ban coi thi; - Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực để tổ chức thi vòng 2; - Hoàn thành đề, đáp án thi phỏng vấn; Nhận và bảo quản đề, đáp án thi. - Niêm yết công khai danh sách thí sinh tại các phòng thi.	Hội đồng tuyển dụng và các đơn vị liên quan
11.	25/11/2024 và 26/11/2024	- Hợp chuẩn bị công tác chấm thi; - Tổ chức thi vòng 2 (hình thức vấn đáp) <i>Địa điểm thi được thông báo trong Thông báo triệu tập thí sinh</i>	Hội đồng tuyển dụng, các đơn vị liên quan và thí sinh đủ điều kiện dự thi
12.	27/11/2024	- Tổng hợp, rà soát kết quả thi và đề nghị Chủ tịch UBND Quận quyết định công nhận kết quả tuyển dụng; - Phê duyệt, thông báo kết quả trúng tuyển.	Hội đồng tuyển dụng, Chủ tịch UBND Quận; Phòng Nội vụ
13.	28/11/2024 đến 27/12/2024	- Hoàn thiện hồ sơ của các thí sinh trúng tuyển	Phòng Nội vụ; Các thí sinh trúng tuyển.
14.	Trước ngày 01/01/2025	- Ban hành Quyết định tuyển dụng; - Hướng dẫn các đơn vị ký hợp đồng lao động với người trúng tuyển.	Chủ tịch UBND Quận; Phòng Nội vụ; Các thí sinh trúng tuyển; Các trường

Lưu ý: Thời gian dự kiến có thể thay đổi để phù hợp với điều kiện thực tế nhưng phải đảm bảo quy trình tuyển dụng theo quy định.